

BÀI BÁO NGHIÊN CỨU GÓC

Một số yếu tố liên quan đến bị bắt nạt của học sinh trường Trung học Cơ sở Tiên Châu, thị xã Phúc Yên, Vĩnh Phúc

Dương Thị Thanh^{1*}, Lê Thị Hải Hà², Trần Thị Mai Oanh³, Nguyễn Thanh Hương²

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng bị bắt nạt và phân tích một số yếu tố liên quan tới vai trò chỉ bị bắt nạt của học sinh trường Trung học Cơ sở Tiên Châu, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Phương pháp nghiên cứu: Thiết kế nghiên cứu cắt ngang phân tích, nghiên cứu đã thu thập thông tin của 429 học sinh (lớp 6 - 9) vào tháng 04/2017 qua phát phiếu tự điền.

Kết quả: Tỷ lệ học sinh bị bắt nạt nói chung là 59,4%. Trong đó, tỷ lệ chỉ bị bắt nạt là 30,8%. Phân tích hồi quy đa biến logistic cho kết quả những yếu tố liên quan đến vai trò chỉ bị bắt nạt bao gồm yếu tố thuộc cá nhân như lớp: càng lên lớp cao hơn, nguy cơ bị bắt nạt càng giảm OR: 0,7 (0,53 – 0,93), rối nhiễu tâm lý ở mức độ trung bình OR: 3,07 (1,48 – 6,35), có ý định/sắp đặt/Thực hiện tự tử OR: 9,13 (4,68 – 17,82), áp lực học tập OR: 2,17 (1,2 – 3,29) càng cao càng làm tăng nguy cơ bị bắt nạt; nhận được hỗ trợ từ gia đình thấp làm gia tăng nguy cơ bị bắt nạt OR: 2,55 (1,23 – 3,29).

Kết luận và khuyến nghị: Nhà trường và gia đình cần quan tâm hơn nữa tới vấn đề áp lực học tập và vấn đề sức khỏe tâm thần của học sinh vì bắt nạt có mối liên quan chặt chẽ với các yếu tố này. Các nhà nghiên cứu cần tiếp tục cân nhắc tìm hiểu mối liên quan giữa áp lực học tập và bắt nạt trong các nghiên cứu tiếp theo. Ngoài ra, gia đình cần giúp đỡ, hỗ trợ tinh thần, tâm sự và chia sẻ cũng như giúp đỡ con em mình nhiều hơn nữa trong việc ra quyết định nhằm ngăn chặn bắt nạt.

Từ khóa: bắt nạt học đường, bị bắt nạt, học sinh, yếu tố liên quan, sức khỏe tâm thần.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, bắt nạt trong nhóm học sinh phổ thông có chiều hướng diễn biến phức tạp và phổ biến, trở thành mối quan ngại đối với cha mẹ, nhà trường và xã hội. Bắt nạt trong nhóm học sinh được định nghĩa là hành vi bắt nạt xảy ra giữa học sinh với học sinh tại địa bàn trường học hoặc trên đường đi học/về nhà (gọi là bắt nạt truyền thống (traditional bullying) – BNTT) hoặc thông qua các thiết bị điện tử (tin nhắn, gọi điện thoại, Facebook, v.v) (gọi là bắt nạt qua mạng (cyberbullying) – BNQM). Hành vi bắt nạt được cấu thành khi có đủ ba tiêu chí;

là (i) một biểu hiện của sự *hung hăng, có ý làm hại* người khác, (ii) giữa hai bên có sự *chênh lệch về sức mạnh* hay đặc điểm nào đó khiến người bị bắt nạt *không có khả năng bảo vệ* được bản thân và (iii) hành vi này *lặp đi lặp lại* nhiều lần trong một *khoảng thời gian nhất định* (1).

Kết quả rà soát của Modecki (2014) từ hơn 80 nghiên cứu khác nhau được thực hiện ngoài khu vực Châu Á ở đối tượng học sinh, cho thấy tỷ lệ bị BNTT và bị BNQM là 36,0% và 16,0% (2). Tại Việt Nam, theo nghiên cứu của Lê Thị Hải Hà (2016) trên nhóm học sinh trung học cơ sở (THCS) và trung học phổ thông (THPT) ở Hà Nội và Hải Dương, tỷ lệ học sinh đã từng



*Địa chỉ liên hệ: Dương Thị Thanh
Email: duongthanhvp@gmail.com

¹Trung tâm Nông nghiệp Nhiệt đới Quốc tế

²Trường Đại học Y tế công cộng

³Viện Chiến lược và Chính sách Y tế

Ngày nhận bài: 04/01/2018

Ngày phản biện: 03/03/2018

Ngày đăng bài: 25/04/2018

bị BNTT và bị BNQM ở bất cứ hình thức nào trong 6 tháng qua lần lượt là 43,5% và 11,9% (1). Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, tỉ lệ học sinh đồng thời tham gia vào hành vi BNTT và BNQM (với vai trò bị bắt nạt hay đi bắt nạt) chiếm tỉ lệ cao (81% và 75%) và tỉ lệ học sinh chỉ tham gia vào hành vi BNQM chiếm tỉ lệ rất nhỏ (<1%) (1, 3). Do đó, một số nhà nghiên cứu trong lĩnh vực này cho rằng hình thức BNTT vẫn là phổ biến trong nhóm học sinh phổ thông và các em có xu hướng đang trải nghiệm đồng thời cả hai hình thức BNTT và BNQM (1, 2). Do đó, khái niệm bắt nạt được sử dụng trong bài báo này sẽ bao gồm BNTT và BNQM.

Kết quả từ các nghiên cứu cho thấy, bắt nạt trong nhóm học sinh có mối liên quan với nhiều yếu tố ở các cấp độ khác nhau như yếu tố cá nhân, gia đình, bạn bè, nhà trường, và cộng đồng (1, 4). Bắt nạt có thể ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng và thành tích học tập của học sinh bị bắt nạt (đặc biệt là nhóm học sinh chỉ bị bắt nạt), cũng như gây ra các vấn đề tâm lý như thiếu tự tin, mặc cảm, lo âu và trầm cảm trong học sinh này (3, 5). Trên thế giới, nghiên cứu về bắt nạt đã trở thành vấn đề được ưu tiên nghiên cứu từ những năm 1970 (6). Ở Việt Nam, các nghiên cứu về bắt nạt (1, 7, 8) mới đang bước đầu được quan tâm với mục tiêu mô tả về tỷ lệ học sinh tham gia vào các vai trò bắt nạt khác nhau (chỉ đi bắt nạt, chỉ bị bắt nạt, và vừa đi bắt nạt và bị bắt nạt), tìm hiểu một số yếu tố liên quan và hậu quả của bắt nạt, chủ yếu tập trung ở các thành phố hay đô thị lớn, ít nghiên cứu ở các vùng đô thị nhỏ và nông thôn với những đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội tương đối khác biệt.

Vì vậy, để cung cấp thêm các bằng chứng góp phần giải quyết tình trạng bị bắt nạt trong nhóm học sinh, nghiên cứu này được thực hiện nhằm mô tả tình hình bị bắt nạt và phân tích một số yếu tố liên quan đến vai trò chỉ bị bắt nạt của học sinh trường THCS Tiền Châu, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc năm 2017.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu cắt ngang phân tích.

Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 11/2016 đến tháng 06/2017 tại Trường THCS Tiền Châu, thị xã Phúc Yên, Vĩnh Phúc.

Đối tượng nghiên cứu

Học sinh trường THCS Tiền Châu, thị xã Phúc Yên, Vĩnh Phúc năm học 2016-2017 (tương ứng với độ tuổi 11-14).

Cỡ mẫu, chọn mẫu

Nghiên cứu sử dụng công thức cỡ mẫu 1 tỷ lệ với biến đầu ra là tỷ lệ bị bắt nạt:

$$n = Z^2 \frac{p(1-p)}{d^2} \quad (1 - \alpha/2)$$

Trong đó: n là cỡ mẫu tối thiểu cần thiết; mức ý nghĩa $\alpha = 0,05$; $p = 0,45$ (tỷ lệ bị bắt nạt trong nghiên cứu của Lê Thị Hải Hà tại Hà Nội và Hải Dương năm 2016) (1); độ chính xác tuyệt đối $d = 0,05$. Áp dụng công thức, cỡ mẫu tối thiểu cần thiết là 380. Đề phòng học sinh từ chối tham gia nghiên cứu, tăng thêm 10% mẫu, tổng số cỡ mẫu là 418 học sinh. Theo số liệu của nhà trường, tổng số học sinh năm học 2016-2017 là 448, loại trừ 17 học sinh đã tham gia thử nghiệm bộ công cụ, chọn toàn bộ 431 học sinh còn lại vào nghiên cứu định lượng. Trên thực tế, có 429 học sinh đã tham gia nghiên cứu.

Biến số nghiên cứu

Biến số phụ thuộc: thang đo bị bắt nạt và đi bắt nạt; *Biến số độc lập*: Yếu tố cá nhân (tuổi, giới, sử dụng internet, tình trạng sức khỏe tâm thần, áp lực học tập,...); Yếu tố gia đình (học vấn, nghề nghiệp cha/mẹ, cha/mẹ giám sát/kiểm soát sử dụng internet và điện thoại di động (ĐTĐĐ), chứng kiến cha mẹ cãi/đánh nhau, hỗ trợ của gia đình...); yếu tố nhà trường (hỗ trợ của nhà trường, thầy cô giám sát/kiểm soát sử dụng internet và ĐTĐĐ...); yếu tố bạn bè (hỗ trợ của bạn bè) và yếu tố cộng đồng (chứng kiến bạo lực xung quanh khu vực sống).

Các thang đo đã sử dụng trong nghiên cứu

Mỗi thang đo bị bắt nạt và đi bắt nạt gồm 14 câu hỏi về tình trạng bị/đi bắt nạt (6 câu hỏi về bị/đi BNTT và 08 câu hỏi về bị/đi BNQM) đã được khẳng định tính giá trị và độ tin cậy cao (Cronbach's Alpha: 0,85) ở nghiên cứu của Lê Thị Hải Hà (2016) (1). Các câu hỏi được thiết kế dạng thang đo Likert với 5 mức độ về tần suất của hành vi (0=không xảy ra, 1=vài lần, 2=từ 1-2 lần/tháng, 3=từ 1-2 lần/tuần, 4=hầu hết các ngày). Các đối tượng trả lời từ 1 trở lên được xem là có bị/đi bắt nạt. Chỉ bị bắt nạt được tính khi thỏa mãn hai điều kiện gồm: bị ít nhất một trong 14 hành vi liệt kê trong thang đo bị bắt nạt; và không thực hiện bất cứ hành vi nào được liệt kê trong thang đo đi bắt nạt.

Một số thang đo khác được sử dụng bao gồm áp lực học tập (ESSA – Education Stress Scale for Adolescents) (16 tiểu mục); tần suất sử dụng internet và ĐTDĐ được phát triển dựa trên thang đo nghiện Internet (IAT) của tác giả Kimberly Young (5 tiểu mục); mức độ giám sát/kiểm soát của bố mẹ và thầy cô trong sử dụng internet và ĐTDĐ được phát triển dựa trên thang đo trong nghiên cứu của Zhou và cộng sự (2013) (6 tiểu mục); rối nhiễu tâm lý được phát triển bởi Keseler và Mroczek (1994) (10 tiểu mục được chia thành 3 mức độ thấp, trung bình và cao) và ý định tử tự được phát triển bởi Hội Y tế trường học Mỹ (3 câu hỏi với 3 đáp án có, không, không nhớ); chứng kiến cha mẹ cãi, đánh nhau (2 tiểu mục); hỗ trợ của gia đình (4 tiểu mục); hỗ trợ của nhà trường (4 tiểu mục); hỗ trợ của bạn bè (4 tiểu mục) (MSPSS) được xây dựng bởi Zimet và cộng sự. Các tiểu mục được đánh giá theo thang Likert với các lựa chọn từ 1 tới 5 theo mức độ tăng dần. Điểm cắt cho các thang đo là điểm trung bình của mỗi thang đo. Trên mức trung bình được coi là cao/thường xuyên, dưới mức trung bình được coi là thấp/không thường xuyên. Các thang đo đã được khẳng định tính giá trị và độ tin cậy cao ở một số nghiên cứu tại Việt Nam (1, 9, 10).

Kỹ thuật, công cụ và quy trình thu thập số liệu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phát vấn để thu thập số liệu. Bộ câu hỏi phát vấn đã

được thử nghiệm với 17 học sinh của trường. Định nghĩa với hình ảnh hoạt hình minh họa thân thiện về bắt nạt được in màu và đính kèm ngay ở trang đầu của bộ câu hỏi để giới thiệu với các em học sinh trước khi điền bảng hỏi nhằm đảm bảo học sinh có cách hiểu thống nhất về hành vi bắt nạt. Học sinh tự điền các thông tin vào phiếu điều tra mà không được trao đổi với bạn bè xung quanh và không có sự tham gia hay có mặt của bất cứ giáo viên nào trong quá trình học sinh điền phiếu.

Xử lý và phân tích số liệu

Số liệu được làm sạch, nhập và quản lý bằng phần mềm Epi-Data 3.1. Phần mềm SPSS 18.0 được sử dụng để phân tích số liệu. Tần số và tỷ lệ phần trăm được dùng để mô tả tỷ lệ bị bắt nạt và các biến độc lập. Kiểm định Khi bình phương (χ^2) và hồi quy logistic với phương pháp Backward LR, mức ý nghĩa $\alpha=0,05$, để xác định yếu tố liên quan đến tình trạng bị bắt nạt.

Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu tuân thủ các qui định về đạo đức nghiên cứu và được tiến hành sau khi Hội đồng đạo đức trường Đại học YTCC cho phép (quyết định số: 067/2017/YTCC-HD3). Bên cạnh đó, nghiên cứu đã được sự đồng ý của Ban giám hiệu trường THCS Tiên Châu.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Thông tin chung

Trong tổng số 429 học sinh tham gia trả lời phát vấn, có 223 nam (52,0%) và 206 nữ (48,0%). Khối lớp 8 có tỷ lệ học sinh cao nhất với 29,4% và thấp nhất là khối 9 chiếm 20,5%. Phần lớn học sinh sống cùng với cả bố và mẹ ruột (88,3%). Tỷ lệ học sinh có bố mẹ có trình độ học vấn từ trung học phổ thông trở xuống là khá cao (71,0% ở mẹ và 66,9% ở bố). Hơn 1/3 phụ huynh học sinh có nghề nghiệp là nông dân (39,9% ở mẹ và 32,9% ở bố).

Tỷ lệ học sinh bị bắt nạt

Hành vi bị bắt nạt được tính khi học sinh trải nghiệm ít nhất một trong sáu hành vi liệt kê trong bảng 1. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tỷ

lệ bị bắt nạt nói chung ở học sinh là 59,4%, trong đó tỷ lệ chỉ bị bắt nạt là 30,8% (tỷ lệ học sinh vừa đi bắt nạt và bị bắt nạt là 28,7%). Nhìn chung, bị bắt nạt lời nói là phổ biến nhất với tỷ lệ bị chọc tức, khích bác chiếm tới 37,8%; ít phổ biến nhất là hình thức bị bắt

nạt quan hệ như bị cô lập/tẩy chay (19,1%). Trong phạm vi bài báo này, nhóm tác giả chỉ tập trung phân tích một số yếu tố liên quan đến nhóm học sinh chỉ bị bắt nạt (chiếm tỷ lệ 30,8%) và so sánh nhóm này với nhóm không liên quan đến bắt nạt (chiếm tỷ lệ 32,4%).

Bảng 1. Tỷ lệ bị bắt nạt bởi các hành vi khác nhau trong 6 tháng vừa qua (n =429)

Hành vi	Tổng n (%)
Bị đánh/đâm/đá/xô đẩy/ném đồ vật	154 (35,9)
Bị trộm cắp/lây trộm/bị phá hỏng đồ vật	119 (27,7)
Bị đe dọa, xúc phạm	103 (24,0)
Bị chọc tức, khích bác	162 (37,8)
Bị cô lập/tẩy chay	82 (19,1)
Bị nói xấu, loan tin đồn	105 (24,5)
Bị bắt kỳ hành vi nào	255 (59,4)
Chỉ bị bắt nạt	132 (30,8)

Một số yếu tố liên quan đến bị bắt nạt

Phân tích hồi quy logistic đơn biến (mức ý nghĩa $\alpha = 0,05$) được tiến hành với biến phụ thuộc là bị chỉ bắt nạt, biến độc lập là yếu tố cá nhân, gia đình, bạn bè, nhà trường và cộng đồng (như trình bày ở phần biến số). Kết quả phân tích hồi quy đơn biến cho thấy 08 yếu tố có liên quan đến chỉ bị bắt nạt như trình bày ở bảng 2 được đưa vào mô hình hồi quy đa biến. Các yếu tố bao gồm trình độ học vấn của mẹ, hỗ trợ của nhà trường, hỗ trợ bạn bè sau khi đưa vào mô hình hồi quy logistic đa biến không còn ý nghĩa thống kê do ảnh hưởng của yếu tố nhiễu toàn phần. Do mô hình hồi quy đã kiểm soát các biến gây nhiễu nên cũng làm thay đổi OR hiệu chỉnh của các yếu tố thực sự có tác động đến chỉ bị bắt nạt.

Cụ thể, về yếu tố cá nhân: cứ lên 01 lớp thì nguy cơ bị bắt nạt giảm đi 0,7 lần (0,53 -0,93). Nhóm học sinh có rối nhiễu tâm lý ở mức độ trung bình có nguy cơ bị bắt nạt cao hơn 3,07 lần (1,48 – 6,35) so với nhóm rối nhiễu tâm lý ở mức độ thấp. Nguy cơ bị bắt nạt ở nhóm học sinh đã từng có ý định/sắp đặt/Thực hiện tử tử cao hơn 9,13 lần (4,68 – 17,82) so với nhóm học sinh chưa từng. Nhóm học sinh có áp lực về học tập cao có nguy cơ bị bắt nạt cao hơn gấp 2,17 lần (1,2 – 2,39) so với nhóm áp lực học tập thấp. Về yếu tố gia đình: nhóm học sinh nhận được hỗ trợ từ gia đình ở mức độ thấp có nguy cơ bị bắt nạt cao hơn 2,55 lần (1,23 – 5,27) so với nhóm học sinh nhận được hỗ trợ gia đình ở mức độ cao.

Bảng 2. Mô hình hồi quy các yếu tố liên quan đến vai trò chỉ bị bắt nạt

Các yếu tố	OR thô (CI 95%)	OR hiệu chỉnh (CI 95%)	P
Lớp	0,81 (0,67 – 0,98)	0,7 (0,53 – 0,93)	0,013
Trình độ học vấn mẹ	Dưới THPT (ref) Trên THPT	- 1,91 (1,02 – 3,58)	- 0,334

Các yếu tố		OR thô (CI 95%)	OR hiệu chỉnh (CI 95%)	P
Áp lực học tập	Thấp (<i>ref</i>)	-	-	-
	Cao	2,04 (1,34 – 3,1)	2,17 (1,20 – 3,29)	0,01
Hỗ trợ gia đình	Cao (<i>ref</i>)	-	-	-
	Thấp	2,67 (1,74 – 4,08)	2,55 (1,23 – 5,27)	0,012
Hỗ trợ nhà trường	Cao (<i>ref</i>)	-	-	-
	Thấp	1,78 (1,14 – 2,79)	1,07 (0,52 – 2,22)	0,852
Hỗ trợ bạn bè	Cao (<i>ref</i>)	-	-	-
	Thấp	1,54 (1,02 – 2,33)	1,12 (0,57 – 2,2)	0,747
Rối nhiễu tâm lý	Thấp (<i>ref</i>)	-	-	-
	Trung bình	2,43 (1,35 – 4,4)	3,07 (1,48 – 6,35)	0,003
	Cao	1,56 (0,83 – 2,93)	2,28 (0,9 – 5,76)	0,082
Nghĩ về/ sắp đặt/ thực hiện tự tử	Không (<i>ref</i>)	-	-	-
	Có	8,28 (4,94 -13,89)	9,13 (4,68 – 17,82)	0,00

Cỡ mẫu phân tích (n) = 429; (*ref*) = Nhóm so sánh; — = Không áp dụng. Kiểm định tính phù hợp của mô hình thống kê (Hosmer & Lemeshow test) $\chi^2 = 6,831$; $df=9$; $p= 0,555$.

BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ bị bắt nạt ở bất kỳ hành vi hay hình thức nào của nhóm học sinh trường THCS Tiên Châu trong 6 tháng vừa qua là 59,4%, trong đó tỷ lệ học sinh chỉ bị bắt nạt là 30,8%, nằm trong khoảng dao động về tỷ lệ bị bắt nạt tại Châu Á và trên thế giới (11, 12). Mặc dù cùng sử dụng cùng thang đo bắt nạt, nhưng tỷ lệ bị bắt nạt chung và tỷ lệ chỉ bị bắt nạt ở nghiên cứu này cao hơn so với nghiên cứu của Lê Thị Hải Hà (2016) (với tỷ lệ lần lượt là 44,7% và 22,7%), do độ tuổi của ĐTNC trong nghiên cứu này nhỏ hơn và như kết quả của một số nghiên cứu khác cho thấy tuổi tăng lên thì nguy cơ bị bắt nạt giảm (1, 7). Do sử dụng công cụ đo lường bắt nạt có điểm cắt từ một vài lần/6 tháng vừa qua nên tỷ lệ báo cáo bị bắt nạt trong nghiên cứu này cao hơn so với nghiên cứu khác (21,2%) (sử dụng điểm cắt từ một vài lần/1 tuần vừa qua) thực hiện trên nhóm học sinh THCS và THPT ở Việt Nam (8).

Kết quả phân tích hồi quy đa biến logistic cho thấy lớp có mối liên quan chặt chẽ với bị bắt nạt. Cứ lên 01 lớp thì nguy cơ bị bắt nạt sẽ giảm đi 0,7 lần ($p < 0,05$). Kết quả trên là tương đồng với phần lớn các nghiên cứu tại Việt Nam (1, 13) và trên thế giới (14). Vì vậy, với các

nghiên cứu tiếp theo cần tiếp tục tìm hiểu thực trạng bắt nạt trên nhóm học sinh lớp nhỏ hơn bao gồm các khối lớp 6,7 và cần nhắc tìm hiểu thực trạng này trên cả nhóm học sinh tiểu học nhằm đề xuất các chương trình can thiệp bắt nạt sớm đối với các nhóm này (1, 2).

Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng áp lực học tập có mối liên quan chặt chẽ với việc bị bắt nạt. Học sinh có *áp lực học tập* cao có nguy cơ bị bắt nạt cao hơn 2,17 lần so với nhóm có áp lực học tập thấp. Kết quả này góp phần bổ sung thêm kết luận về mối liên quan giữa áp lực học tập và bị bắt nạt trong nghiên cứu tại Việt Nam (9) và tại Hồng Kông, Trung Quốc (15). Điều này gợi ý việc cần nghiên cứu thêm về mối liên quan giữa bị bắt nạt đối với yếu tố này nhằm khuyến nghị thay đổi phương pháp và chương trình học tập cho học sinh.

Áp lực học tập cao cũng là yếu tố nguy cơ đối với các vấn đề sức khỏe tâm thần của học sinh (9). Kết quả nghiên cứu này cho thấy, học sinh có mức độ *rối nhiễu tâm lý* càng cao thì nguy cơ bị bắt nạt càng cao ($p < 0,01$). Kết quả này tương đồng với một số nghiên cứu tại Việt Nam (1, 13) và trên thế giới (16). Tương tự kết quả của nghiên cứu tại Việt Nam và trên thế giới (1, 17), học sinh đã từng *nghĩ/*

sắp đặt hay thực hiện tự tử của nghiên cứu này cũng có tỷ lệ bị bắt nạt cao hơn so với nhóm chưa từng trải qua việc này ($p < 0,001$). Qua đó, có thể thấy được tác động qua lại khá phức tạp giữa bị bắt nạt đối với áp lực học tập và các vấn đề sức khỏe tâm thần.

Chính vì vậy, hỗ trợ tốt của gia đình đóng vai trò quan trọng trong việc giảm thiểu tỷ lệ bắt nạt (18, 19). Điều này cũng được thể hiện rõ trong nghiên cứu này. Cụ thể, học sinh nhận được hỗ trợ của gia đình ở mức độ cao ít bị bắt nạt hơn so với nhóm nhận được ở mức độ thấp ($p < 0,01$).

Nghiên cứu chỉ thực hiện trên nhóm học sinh tại 1 trường THCS nên kết quả sẽ không thể phản ánh đầy đủ được đặc trưng của các khu vực khác và không thể suy rộng cho các nhóm tuổi cũng như vùng miền khác. Ngoài ra, việc tìm hiểu thực trạng bắt nạt chỉ được thực hiện tại một thời điểm cụ thể nên chưa thể đánh giá được vấn đề sức khỏe tâm thần liệu là nguyên nhân hay kết quả của hành vi bắt nạt.

KẾT LUẬN

Thực trạng bắt nạt trong nhóm học sinh trường THCS Tiên Châu trong 6 tháng vừa qua là đáng lưu ý với gần 60% học sinh đã từng bị bắt nạt, trong đó tỷ lệ chỉ bị bắt nạt là 30,8%. Một số yếu tố liên quan đến chỉ bị bắt nạt bao gồm lớp: càng lên lớp cao hơn, nguy cơ bị bắt nạt càng giảm ($OR = 0,7; 0,53 - 0,93$), rối nhiễu tâm lý ở mức độ trung bình $OR: 3,07 (1,48 - 6,35)$, có ý định/sắp đặt/ thực hiện tự tử $OR: 9,13 (4,68 - 17,82)$, áp lực học tập $OR: 2,17 (1,2 - 3,29)$ càng cao càng làm tăng nguy cơ bị bắt nạt; hỗ trợ gia đình thấp làm gia tăng nguy cơ bị bắt nạt $OR: 2,55 (1,23 - 3,29)$.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhà trường và gia đình cần quan tâm hơn nữa tới vấn đề áp lực học tập và vấn đề sức khỏe tâm thần của học sinh vì bị bắt nạt có mối liên quan chặt chẽ đối với các yếu tố này. Các nhà nghiên cứu cần tiếp tục cân nhắc tìm hiểu mối liên quan giữa áp lực học tập và bắt nạt trong các nghiên cứu tiếp theo. Ngoài ra, gia đình cần giúp đỡ, hỗ trợ tinh thần, tâm sự và chia sẻ cũng như giúp đỡ con em mình nhiều hơn

nữa trong việc ra quyết định nhằm ngăn chặn bắt nạt.

Lời cảm ơn: Nhóm tác giả xin chân thành cảm ơn sự hỗ trợ và hợp tác nhiệt tình của Ban giám hiệu, tập thể giáo viên và học sinh trường THCS Tiên Châu trong nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Le HHT. Bullying roles and associations with mental health of adolescents in vietnam: a short-term longitudinal study: Queensland University of Technology; 2016.
2. Modecki KL, Minchin J, Harbaugh AG, Guerra NG, Runions KC. Bullying prevalence across contexts: a meta-analysis measuring cyber and traditional bullying. *J Adolesc Health*. 2014;55(5):602-11.
3. Le HT, Nguyen HT, Campbell MA, Gatton ML, Tran NT, Dunne MP. Longitudinal associations between bullying and mental health among adolescents in Vietnam. *Int J Public Health*. 2016.
4. Swearer SM, Espelage DL. Introduction: A Social-Ecological Framework of Bullying Among Youth. In: Introduction AS-EFOBAYDLESMS, editor. *Bullying in American schools: A social-ecological perspective on prevention and intervention*. Mahwah, NJ, US: Lawrence Erlbaum Associates Publishers; 2004. p. 1-12.
5. Ross W. A National Perspective of Peer Victimization: Characteristics of Perpetrators, Victims and Intervention Models. *National forum of teacher education journal*. 2006;16(3).
6. Công TV, Ngọc NPH, Dương NT, Thẩm NT. Chiến lược ứng phó của học sinh với bắt nạt trực tuyến. *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN*. 2015;03(31):11-24.
7. Trang NTT. Thực trạng hành vi bắt nạt/bạo lực thể chất ở học sinh trường Trung học phổ thông Trần Phú, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, năm 2013 [Thạc sĩ Y tế Công cộng]: Đại học Y tế công cộng; 2013.
8. Ánh P. Tìm hiểu nguyên nhân của các hiện tượng bắt nạt ở học sinh trung học phổ thông: Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội; 2011.
9. Pham TTB. Study burden, academic stress and mental health among high school students in vietnam [Degree of Doctor of Philosophy of Public Health]. Queensland Queensland University of Technology; 2015.
10. Nguyen HT. Child maltreatment in Vietnam:

- Prevalence and associated mental and physical health problems [Doctor of Philosophy]. Queensland: Queensland University of Technology; 2006.
11. UNICEF. Ending the torment : tackling bullying from the schoolyard to cyberspace New York: United Nations Special Representative of the secretary- general on Violence against children 2016.
 12. Sittichai R, Smith PK. Bullying in South-East Asian Countries: A review. *Aggression and Violent Behavior*. 2015;23:22-35.
 13. Suong NTT. Mối tương quan giữa lo âu - trầm cảm và mức độ bị bắt nạt của học sinh trường trung học cơ sở [Thạc sỹ Tâm lý học]. Hà Nội Đại học Quốc gia Hà Nội; 2015.
 14. Cong TV. Relations between peer victimization, self-cognitions and depression in the United States and Vietnam [Doctor of Philosophy]. Nashville, Tennessee: Vanderbilt University; 2013.
 15. LEUNG C-h, TO H-k. The Relationship Between Stress and Bullying Among Secondary School Students. *New Horizons in Education*. 2009;57(01):33-42.
 16. Seals D, Young J. Bullying and victimization: prevalence and relationship to gender, grade level, ethnicity, self-esteem, and depression. *Adolescence*. 2003;38(152):735-47.
 17. Centers for Disease Control and Prevention. The Relationship Between Bullying and Suicide: What We Know and What it Means for Schools.
 18. Barboza GE, Schiamberg LB, Oehmke J, Korzeniewski SJ, Post LA, Heraux CG. Individual characteristics and the multiple contexts of adolescent bullying: an ecological perspective. *Journal of youth and adolescence*. 2009;38(1):101-21.
 19. Hương DTT. Các yếu tố xã hội có liên quan đến hành vi bạo lực học đường của học sinh phổ thông tại Hà Nội Nghiên cứu Gia Đình và Giới. 2015;26(04):51-63.

Associated factors of bullying victimization among Tien Chau secondary school students in Phuc Yen town, Vinh Phuc province

Duong Thi Thanh¹, Le Thi Hai Ha², Tran Thi Mai Oanh³, Nguyen Thanh Huong²

¹International Centre for Tropical Agriculture

²Hanoi University of Public Health

³Health Strategy and Policy Institute

Objective: This study was conducted to investigate the prevalence of bullying victimization and identify associated factors of only bullying victimization among students of Tien Chau secondary school in Phuc Yen town of Vinh Phuc province. **Methods:** The study employed a cross-sectional study. Self-administered questionnaire was used to collect the information of 429 students (grade 6 to 9) in Tien Chau secondary school in April 2017. **Main findings:** Analyses of bullying victimization showed nearly six in ten students (59.4%) were engaged in bullying roles as victim. Of these students, nearly one in three (30.8%) were victim only. Analyses of multiple logistic regression showed related factors of only bullying victimization including individual factors such as grade level, students at higher level of grade had higher odd of being victimised by their peers than those who are at lower grade level (OR = 1.43; 95%CI: 1.08 – 1.9), middle level of psychological distress (OR = 3.07; 95%CI: 1.48 – 6.35), having suicidal ideation (OR = 9.13; 95%CI: 4.68 – 17.82), high level of academic stress (OR = 2.17; 95%CI: 1.2 – 3.29); low level of family support (OR = 2.55; 95%CI: 1.23 – 3.29). **Conclusions:** Schools and families should pay more attention at academic stress and mental health problems among students because of their significant associations with bullying victimization. Further research should pay attention at the relationships between academic stress and bullying victimization. Families should provide more emotional supports, spend more times to talk with their children as well as help them to make decisions in order to prevent bullying victimization.

Keywords: *bullying, victimization, adolescent student, associated factors, mental health.*